

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng**  
**vùng huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đến năm 2040**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 3916/TTr-UBND ngày 09/09/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Tân Uyên đến năm 2040; Văn bản thẩm định số 2881/SXD-QHKT ngày 06/09/2024 và Công văn số 2917/SXD-QHKT ngày 10/9/2024 của Sở Xây dựng báo cáo về hồ sơ điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Tân Uyên;

Căn cứ Kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh đối với một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh tại Thông báo số 312/TB-UBND ngày 13/9/2024.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đến năm 2040, với các nội dung sau:

**1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:**

a. Phạm vi nghiên cứu theo địa giới hành chính huyện Bắc Tân Uyên gồm 02 thị trấn: Tân Thành, Tân Bình và 08 xã: Bình Mỹ, Tân Lập, Đất Cuốc, Tân Định, Hiếu Liêm, Lạc An, Thường Tân, Tân Mỹ; với tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Phú Giáo và huyện Bàu Bàng.
- Phía Nam giáp thành phố Tân Uyên và sông Đồng Nai (huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).
- Phía Đông giáp sông Bé và sông Đồng Nai (huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).
- Phía Tây giáp thành phố Bến Cát.

b. Quy mô lập quy hoạch: Trên toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Bắc Tân Uyên là 40.030,8 ha.

## **2. Tính chất**

Định hướng phát triển theo hướng công nghiệp - đô thị - nông nghiệp sinh thái.

## **3. Các giai đoạn nâng cấp đô thị**

- Giai đoạn đến năm 2030: trên địa bàn huyện có 04 đô thị gồm: thị trấn Tân Thành đạt tiêu chí đô thị loại IV; thị trấn Tân Bình đô thị loại V; công nhận đô thị Bình Mỹ và đô thị Tân Lập là đô thị loại V; Xây dựng các đô thị hiện đại và bền vững, hướng đến đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030 - 2050: Nâng cao các tiêu chí của đô thị Bắc Tân Uyên đạt đô thị loại IV, thành lập thị xã Bắc Tân Uyên.

## **4. Quan điểm, mục tiêu**

### **a. Quan điểm**

- Tuân thủ định hướng Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Các quy định, quy chuẩn về quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, công nghiệp, dịch vụ đồng bộ, hiện đại, thông minh để mở rộng không gian phát triển, phát triển hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn; Đẩy mạnh hình thành các hàng lang, vành đai kinh tế, công nghiệp, đô thị, dịch vụ gắn với các hành lang giao thông kết nối liên vùng.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế carbon thấp, góp phần thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 mà Việt Nam đã cam kết.

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng hạ tầng kỹ thuật gồm hệ thống giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, thông tin liên lạc và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm sự kết nối, thống nhất giữa các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong huyện và sự liên thông với các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, cấp quốc gia và các huyện thị lân cận.

- Bảo vệ môi trường, phòng ngừa hiểm họa ảnh hưởng đến cộng đồng, cải thiện cảnh quan, bảo tồn các di tích văn hoá, lịch sử và nét đặc trưng địa phương.

- Phát triển văn hóa, giáo dục và y tế cùng các thiết chế xã hội khác nằm trong tổng thể chiến lược phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội của khu vực Đông Nam Bộ và cả nước; phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng -an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn và văn minh..

#### b. Mục tiêu

- Cụ thể hoá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã được định hướng trong Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng định hướng phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội; xây dựng huyện Bắc Tân Uyên thành cực phát triển phía Đông của tỉnh, gắn với hệ thống giao thông cấp vùng; đáp ứng mục tiêu đưa, huyện Bắc Tân Uyên trở thành thị xã Bắc Tân Uyên trong giai đoạn 2030 -2040; trong đó đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực sau:

+ Về công nghiệp: tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, chú trọng vào hiện đại hóa các ngành hiện hữu, tăng tỷ lệ nội địa hóa ở các ngành công nghiệp hỗ trợ và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu như máy móc, thiết bị công nghiệp; thiết bị điện tử viễn thông; điều khiển từ xa; thiết bị vi mạch tích hợp, chip điện tử, vật liệu mới; công nghiệp và kỹ thuật hóa học; dược phẩm và hóa mỹ phẩm... Phát triển công nghiệp sinh thái, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; đưa ngành công nghiệp chế biến chế tạo trở thành trụ cột chính trong nền kinh tế.

+ Về nông nghiệp: Phát triển nền nông nghiệp sinh thái xanh, sạch, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, lấy người nông dân là chủ thể, trung tâm, làm cơ sở cho sự phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch và dịch vụ. Phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tăng cường liên kết theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế của các nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu bền vững, giàu bản sắc văn hóa.

+ Về dịch vụ: Phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại chất lượng cao, để nâng cao tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế, trong đó ưu tiên phát triển các dịch vụ Logistics, dịch vụ thương mại chất lượng cao, dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp và mô hình khu phức hợp quy mô lớn; Phát triển dịch vụ đô thị chất lượng cao để cung cấp các dịch vụ tiện ích, hiện đại cho người dân, lao động, chuyên gia; Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ số để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; Phát triển mạng lưới các loại hình dịch vụ mang đặc trưng của đô thị công nghiệp, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của người dân, lao động hiện nay và đáp ứng nhu cầu phát triển cao hơn trong tương lai;

+ Đô thị - nông thôn: Gắn kết hài hòa phát triển giữa đô thị và nông thôn, thúc đẩy liên kết vùng. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa gắn với phát triển hệ thống nhà ở xã hội, hệ thống công viên cây xanh và các thiết chế văn hóa xã

hội; Nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, phát triển các đô thị đồng bộ về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, nhà ở, chất lượng sống của người dân, thân thiện với môi trường; Đáp ứng mục tiêu huyện Bắc Tân Uyên trở thành huyện nông thôn mới và định hướng đến năm 2025 là huyện nông thôn mới nâng cao.

+ Y tế, văn hóa, giáo dục đào tạo: Phát triển và nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục và đào tạo; Phát triển đồng bộ y tế công lập và y tế ngoài công lập, trong đó tập trung nguồn lực để củng cố và phát triển y tế công lập thật sự vững mạnh, giữ vai trò chủ đạo trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; Phát triển mạng lưới công trình văn hóa - thể thao đạt chuẩn Quốc gia, đáp ứng nhu cầu của người dân.

+ Đảm bảo an sinh xã hội: Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, y tế, văn hóa, giáo dục, chuyển đổi số, cung cấp nước sạch; kết nối liên thông, tổng thể với đô thị để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu lao động... nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị.

### 5. Dự báo quy mô dân số

Dự báo quy mô dân số huyện Bắc Tân Uyên đến năm 2030 khoảng 180.000 - 250.000 người, đến năm 2040 khoảng 300.000 người.

### 6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản dự kiến

| TT | Hạng mục                                           | Đơn vị tính              | Chỉ tiêu 2030   | Chỉ tiêu 2040                                     |
|----|----------------------------------------------------|--------------------------|-----------------|---------------------------------------------------|
| 1  | Dân số toàn huyện                                  | người                    | 180.000-250.000 | 300.000                                           |
| 2  | Tỷ lệ đô thị hóa                                   | %                        | ≥ 40            | ≥ 50                                              |
| 3  | Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị                       | m <sup>2</sup> /người    | ≥ 250           | ≥ 280                                             |
| 4  | Loại đô thị                                        |                          |                 |                                                   |
|    | Thị trấn Tân Thành                                 | Loại                     | IV              | đạt đô thị loại IV, thành lập thị xã Bắc Tân Uyên |
|    | Thị trấn Tân Bình                                  | Loại                     | V               |                                                   |
|    | Các đô thị mới (Tân Lập, Bình Mỹ)                  | Loại                     | V               |                                                   |
| 5  | Chỉ tiêu nhà ở trung bình                          |                          |                 |                                                   |
|    | Khu vực đô thị                                     | m <sup>2</sup> sàn/người | 34,5            | 34,5                                              |
|    | Khu vực nông thôn                                  | m <sup>2</sup> sàn/người | 26,4            | 26,4                                              |
| 6  | Chỉ tiêu cây xanh                                  |                          |                 |                                                   |
|    | Các đô thị                                         | m <sup>2</sup> /người    | ≥ 10            | ≥ 10                                              |
|    | Các điểm dân cư nông thôn                          | m <sup>2</sup> /người    | ≥ 2             | ≥ 2                                               |
| 7  | Chỉ tiêu đất giao thông so với đất xây dựng đô thị |                          |                 |                                                   |

| TT | Hạng mục                                               | Đơn vị tính        | Chỉ tiêu 2030 | Chỉ tiêu 2040 |
|----|--------------------------------------------------------|--------------------|---------------|---------------|
|    | Thị trấn Tân Thành                                     | %                  | $\geq 17$     | $\geq 17$     |
|    | Thị trấn Tân Bình; các đô thị mới (Tân Lập, Bình Mỹ)   | %                  | $\geq 16$     | $\geq 17$     |
|    | Toàn đô thị Bắc Tân Uyên                               | %                  | -             | $\geq 17$     |
| 8  | Chỉ tiêu cấp điện                                      |                    |               |               |
|    | Khu vực đô thị                                         | (W/người)          | $\geq 200$    | $\geq 330$    |
|    | Khu vực dân cư nông thôn                               | (W/người)          | $\geq 200$    | $\geq 330$    |
|    | Sản xuất công nghiệp, kho tàng(*)                      | kW/ha              | 50 -350       | 50 -350       |
| 9  | Chỉ tiêu cấp nước                                      |                    |               |               |
|    | Nước sinh hoạt đô thị                                  | lít/người/ngày đêm | $\geq 100$    | $\geq 120$    |
|    | Nước sinh hoạt nông thôn                               | lít/người/ngày đêm | $\geq 80$     | $\geq 100$    |
|    | Cấp nước công nghiệp (*)                               | m <sup>3</sup> /ha | 20            | 20            |
| 10 | Chỉ tiêu thoát nước thải                               |                    |               |               |
|    | Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý khu vực đô thị    | % nước cấp         | $\geq 60$     | $\geq 90$     |
|    | Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý khu vực nông thôn | % nước cấp         | $\geq 60$     | $\geq 60$     |
|    | Tỷ lệ nước thải công nghiệp được xử lý                 | % nước cấp         | 100           | 100           |
| 12 | Chỉ tiêu tính toán chất thải rắn                       |                    |               |               |
|    | Chất thải rắn sinh hoạt                                |                    |               |               |
|    | <i>Khu vực đô thị</i>                                  | kg/người-ngày      | $\leq 0,8$    | $\leq 0,9$    |
|    | <i>Khu vực nông thôn</i>                               | kg/người-ngày      | $\leq 0,8$    | $\leq 0,8$    |
|    | Chất thải rắn công nghiệp (*)                          | tấn/ha             | $\geq 0,3$    | $\geq 0,3$    |
|    | Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý                |                    |               |               |
|    | <i>Khu vực đô thị</i>                                  | %                  | $\geq 99$     | $\geq 99$     |
|    | <i>Khu vực nông thôn</i>                               | %                  | $\geq 95$     | $\geq 95$     |
|    | Chất thải rắn công nghiệp (*)                          | %                  | 100           | 100           |

(\*) Tùy theo tính chất và loại hình sản xuất của khu công nghiệp sẽ xác định chỉ tiêu cụ thể khi thực hiện dự án

## 7. Các yêu cầu nghiên cứu của đồ án quy hoạch

Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của

Chính phủ, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn, trong đó yêu cầu:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng: Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên nền bản đồ tỷ lệ 1/25.000 đảm bảo theo quy định; khảo sát các điều kiện tự nhiên, môi trường, rà soát các quy hoạch, đồ án có liên quan.

- Dự báo dân số, lao động, các chỉ tiêu, cơ cấu kinh tế (theo các lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ thương mại, công nghiệp...), sử dụng đất, môi trường, biến đổi khí hậu,... để lập đồ án quy hoạch.

- Nghiên cứu định hướng tổ chức không gian vùng:

- + Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của huyện trên cơ sở các dự báo, chương trình và kế hoạch (đề xuất hai phương án để lựa chọn);

- + Tổ chức hệ thống các đô thị (định hướng lộ trình nâng cấp các đô thị, tốc độ đô thị hóa), các điểm dân cư nông thôn, xác định cụ thể các khu vực dân cư phát triển mới, định hướng khai thác không gian, kiến trúc cảnh quan của các vùng cảnh quan thiên nhiên và vùng nông nghiệp sinh thái.

- + Định hướng tổ chức không gian phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ phù hợp với điều kiện của địa phương và khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, hạ tầng.

- + Định hướng các khu sản xuất nông nghiệp: Xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nuôi trồng và chế biến nông sản nhằm tạo ra các vùng sản xuất tập trung lớn.

- + Định hướng hệ thống công trình hạ tầng xã hội: Căn cứ Đề án nhà ở xã hội và Đề án cây xanh đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt, tính toán bố trí hệ thống nhà ở xã hội, hệ thống công viên cây xanh và các thiết chế văn hóa xã hội gắn kết với không gian phát triển đô thị và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết nhu cầu nhà ở và các nhu cầu tiện ích công cộng, văn hóa, giáo dục, y tế...

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật vùng về chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

- Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn, thời điểm thực hiện.

- Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường trong vùng huyện.

## **8. Thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch:**

a. Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng.

b. Bản đồ ranh giới, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng vùng, tỷ lệ

1/25.000.

c. Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

d. Thuyết minh nhiệm vụ và các văn bản pháp lý liên quan.

### **9. Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch:**

a. Danh mục bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng;
- Bản đồ hiện trạng vùng; tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ phân vùng quản lý phát triển; tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng; tỷ lệ 1/25.000.
- Bản đồ định hướng phát triển mạng lưới giao thông; tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật; tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cấp nước; tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang; tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống điện và cung cấp năng lượng; tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động; tỷ lệ 1/25.000;

(Quy cách thể hiện hồ sơ theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn).

b. Thuyết minh quy hoạch

Nêu đầy đủ các nội dung của đồ án được quy định tại khoản 2, điều 4 của Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng. Thuyết minh đồ án quy hoạch phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan;

Phụ lục và bản vẽ kèm theo thuyết minh gồm: Các giải trình, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bảng biểu, số liệu tính toán thể hiện kết quả nêu tại thuyết minh; bản vẽ khổ A3; văn bản pháp lý liên quan.

c. Quy định quản lý theo quy hoạch vùng huyện: Nội dung theo quy định tại Điều 9 Nghị định 44/2015/NĐ-CP và phải có các sơ đồ kèm theo.

d. Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện.

e. Hồ sơ lưu trữ và số lượng: Đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 2, điều 38 của Thông tư 04/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

f. Yêu cầu về nội dung, hình thức và đối tượng lấy ý kiến về đồ án quy hoạch

- Nội dung lấy ý kiến: Dự thảo thuyết minh tóm tắt và các bản vẽ kèm theo, trong đó thể hiện rõ nội dung chủ yếu của đồ án quy hoạch vùng huyện.

- Hình thức lấy ý kiến:

+ Gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

+ Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

+ Đối tượng lấy ý kiến: Các địa phương lân cận; Chuyên gia về lĩnh vực quy hoạch đô thị; Tổ chức, cá nhân: đại diện các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp có liên quan; Đại diện cộng đồng dân cư thuộc phạm vi ảnh hưởng của đồ án quy hoạch.

Nội dung hồ sơ đồ án đã tổ chức lấy ý kiến, tiếp tục thực hiện công tác thẩm định theo quy định; Nếu có điều chỉnh bổ sung các nội dung định hướng thay đổi lớn phải tổ chức lấy ý kiến theo quy định nêu trên.

### **10. Dự toán kinh phí, tiến độ thực hiện**

- Cơ sở tính toán kinh phí: Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện Bắc Tân Uyên.

- Kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch: Thời gian lập đồ án quy hoạch vùng huyện không quá 12 tháng.

- Trách nhiệm thực hiện: UBND huyện Bắc Tân Uyên có trách nhiệm phối hợp đơn vị tư vấn và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện đúng thời gian, đảm bảo chất lượng hồ sơ quy hoạch.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đến năm 2040.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên có trách nhiệm lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Tân Uyên đến năm 2040 theo đúng nội dung điều chỉnh nhiệm vụ được phê duyệt, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**  
**Đã ký: Mai Hùng Dũng**